TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 5 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn

2. Bà Vũ Thị Hải Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 45, đường L, tổ 16, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Duy H, sinh năm 1982

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 45, đường L, tổ 16, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Chị Phạm Thị H có mặt, Anh Bùi Duy H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và cnh Bùi Duy H tự nguyện đăng

ký kết hôn ngày 28/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, do kinh tế gia đình khó khăn, cuộc sống không ổn định, vợ chồng thường xuyên phải đi làm xa nhà để kiếm tiền trang trải cuộc sống nên giữa chị H và anh H thường xuyên xảy ra to tiếng với nhau, đến ngày 26/10/2009 anh H bỏ nhà đi từ đó đến nay không rõ tin tức anh H ở đâu. Chị H đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng không có kết quả, theo yêu cầu của chị H, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp đã ra quyết định tuyên bố Anh Bùi Duy H mất tích, theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2019/QĐST-DS ngày 21/01/2019. Đến nay, do vợ chồng đã không còn chung sống với nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị Phạm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Duy H.

Về nuôi con: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Duy H có một con chung là cháu Bùi Tuấn H, sinh ngày 27/3/2009 hiện nay do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Tuấn H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vì anh H đã mất tích nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Phạm Thị H trình bày chị và anh H không có tài sản, công nợ chung, hiện tại chị H không quản lý tài sản nào của anh H.

Bị đơn là anh Bùi Duy H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tuyên bố mất tích, theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2019/QĐST-DS ngày 21/01/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với anh Bùi Duy H nhưng anh H không có mặt để tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Duy H. Về nuôi con: Giao cháu Bùi Tuấn H cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con và về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H xin ly hôn anh Bùi Duy H là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Bùi Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Duy H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Bùi Duy H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 28/01/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn, thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình nên hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Duy H là hợp pháp.

Bị đơn là anh Bùi Duy H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2019/QĐST-DS ngày 21/01/2019.

Về căn cứ cho ly hôn, khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: "Trong tường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn."

Do đó, yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Duy H của chị Phạm Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh Bùi Duy H đã bị tuyên bố mất tích, cháu Bùi Tuấn H đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Bùi Tuấn H của chị Phạm Thị H.

Các đương sự không có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết việc chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H có yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Đề 147 của Bộ luật

Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Duy H.

2. Về nuôi con: Giao cháu Bùi Tuấn H, sinh ngày 27/3/2009 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001194 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP.Tam Điệp;
- Đương sự;
- UBND P Trung Sơn, TP. Tam Điệp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Quách Thành Trung